

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **78/2021/HN&GD-ST**

Ngày: 12-7-2021

“V/v Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Văn Sơn.

2/ Bà Nguyễn Thị Mến.

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 464/2020/TLST-HN&GD ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST-HN&GD ngày 20 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thân Diễm P, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã MP, huyện DL, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Anh Trần Quang T, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Số 158, đường Mê Pu – Đa Kai, tổ 9, thôn 2, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Mai Thân Diễm P trình bày:

Chị P và anh T được Tòa án nhân dân huyện Đức Linh giải quyết công nhận thuận tình ly hôn tại Quyết định số 234/2019/QĐST-HN&GD ngày 22/11/2019; tại Quyết định số 234 nêu trên, chị P và anh T tự nguyện thỏa thuận giao hai con chung Trần Thị Diễm M, sinh ngày 04/11/2013 và Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2016 cho anh T trực tiếp nuôi con, chị P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi Quyết định số 234 có hiệu lực thì chị P đã thực hiện tốt các nghĩa vụ đã

thỏa thuận, tuy nhiên chị P cho rằng anh T và gia đình anh T có lúc đã cản trở chị thăm nom con chung, đến thời điểm hiện tại thì chị P có đủ khả năng, điều kiện để nuôi con chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con chung đối với anh T, chị P yêu cầu được quyền nuôi cháu V, còn anh T nuôi cháu M hoặc nuôi cháu nào cũng được.

Về tài sản chung: Chị P cầu Tòa án chia đôi tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị và ông T, cụ thể là quyền sử dụng đối với diện tích 290m² đất ONT+CLN, tọa lạc tại thôn 2, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 583862, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 14/3/2013 cho ông Trần Quang T và bà Mai Thân Diễm P đứng tên sử dụng và căn nhà cấp 4 trên diện tích đất nêu trên. Chị P hoàn toàn thống nhất với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh và kết quả định giá tài sản. Chị P yêu cầu được nhận toàn bộ tài sản chung và bồi trả giá trị tài sản chênh lệch cho anh T.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Quang T trình bày:

Về con chung: Anh T đề nghị Tòa án giữ nguyên quyền nuôi con như tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 234/2019/QĐST-HN&GD ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Bởi lẽ, anh T có chỗ ở ổn định, có sức khỏe, có công việc ổn định để nuôi con chung.

Về tài sản chung như chị P kê khai là đúng, anh T hoàn toàn thống nhất với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh và kết quả định giá tài sản; anh T có nghĩa vụ nuôi con chung nên anh T cũng yêu cầu được nhận 70% giá trị toàn bộ tài sản chung và bồi trả giá trị chênh lệch về tài sản cho chị P.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn.

Cháu M và cháu V nêu nguyện vọng được sống cùng anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

+ Bác yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thân Diễm P về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thân Diễm P về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với anh T.

+ Buộc chị P và anh T phải chịu chi phí tố tụng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Mai Thân Diễm P khởi kiện tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn đối với anh Trần Quang T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T và tài sản tranh chấp tọa lạc tại Thôn 2, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ các Điều 59, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1, 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con, chia tài sản sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ án như sau:

[2.1] Xét yêu cầu của chị P về việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Thị Diễm M, sinh ngày 04/11/2013 và Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2016. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 2 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“2. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau đây:

a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

3. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 7 tuổi trở lên...”

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để chị P và anh T tự thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; tuy nhiên chị P và anh T không thỏa thuận được.

Ngày 07/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh ban hành giấy triệu tập đề nghị anh T đưa cháu M đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, đến ngày 15/12/2020, chị P là người đưa cháu M đến Tòa án ghi nhận ý kiến, theo đó cháu M khai có nguyện vọng ở với mẹ; đến ngày 28/12/2020, ông T đưa cháu M đến Tòa án để ghi nhận nguyện vọng, theo đó cháu M lại khai nhận vào ngày 15/12/2020, do có chị P đưa đến Tòa nên cháu M mới khai theo ý của chị P và cháu M thay đổi ý kiến là nêu nguyện vọng được ở với anh T; tại phiên tòa, cháu M và cháu V đã nêu nguyện vọng được ở với anh T; do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận nguyện vọng của cháu M và cháu V tại phiên tòa.

Về điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu chị P và anh T cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con; tuy nhiên chị P không cung cấp được chứng cứ, anh T cung cấp được chứng cứ là hợp đồng lao động, giấy xác nhận lương, giấy xác nhận nhân thân; Anh T có công việc và thu nhập ổn định, từ thời điểm sống ly hôn cho đến nay anh T vẫn là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con, đời sống vật chất và việc học tập của hai cháu đang ổn định, các cháu đang trong giai đoạn phát triển về tâm sinh lý, việc thay đổi chỗ ở, nơi học tập, môi trường sinh hoạt ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về tình cảm, tâm sinh lý của hai cháu. Mặt khác, cháu M và cháu V từ khi sinh ra cho đến nay đã lớn lên bên nhau cùng gắn bó, yêu thương nhau, sau khi chị P và anh T ly hôn thì hai cháu đã bị tổn thương về mặt tình cảm gia đình, các cháu sống với cha thì thiếu tình thương, sự quan tâm trực tiếp của mẹ; do đó, nếu chia tách hai cháu sẽ làm hụt hẫng, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm sinh lý về sau của hai cháu, đồng thời ảnh hưởng đến tình cảm chị em của hai cháu.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy chị P có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó, việc tiếp tục giao cho anh T quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu M và cháu V là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81; khoản 2, khoản 3 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cũng như lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tại phiên tòa.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án, chị P và anh T đều không đưa ra yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị P và anh T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con trong vụ án khác.

[2.2] Về chia tài sản sau khi ly hôn: Chị P và anh T đều thừa nhận tài sản trong thời kỳ hôn nhân gồm có: 01 căn nhà cấp 4 hết niên hạn sử dụng và 01 cái giếng nước đường kính 1,2 mét, sau 4,9 mét gắn liền với diện tích 290m² đất ONT+CLN, tọa lạc tại thôn 2, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 583862, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 14/3/2013 cho ông Trần Quang T và bà Mai Thân Diễm P đứng tên sử dụng. (theo mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh phát hành ngày 24/5/2021 thì Diện tích đo đạc thực tế là 210,1m², thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 94 (245401-4-C)).

Theo kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh, kết quả định giá tài sản lập ngày 19/3/2021 và biên bản kết luận giá trị quyền sử dụng đất của Hội đồng định giá đã xác định: Theo mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh phát hành ngày 24/5/2021 thì đất tranh chấp được đo đạc thực tế có diện tích là 210,1m² đất, thuộc thửa đất số 36, tờ bản đồ số 94 (thiếu 79,9m² đất so với Giấy CNQSDĐ) có giá thị trường là 400.000.000đồng. Tài sản trên đất gồm: 01 căn nhà cấp 4 hết niên hạn sử dụng, giá

trị còn lại 10.000.000đồng; 01 cái giếng nước đường kính 1,2 mét, sâu 4,9 mét, trị giá: 1.660.000đồng.

Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 411.660.000đồng.

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh, kết quả định giá tài sản lập ngày 19/3/2021 và biên bản kết luận giá trị quyền sử dụng đất của Hội đồng định giá; đồng thời đều xác định nguồn gốc tài sản là do nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân; nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu được giao quyền quản lý, sử dụng tài sản chung và thối trả giá trị tài sản chênh lệch cho bên còn lại là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét thấy, diện tích đất đang có tranh chấp không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa theo quy định tại Quyết định số 52/2018/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, do đó Hội đồng xét xử không chia bằng hiện vật; anh T là người được giao quyền trực tiếp nuôi con chung, để đảm bảo ổn định cuộc sống của anh T và con chung, tạo điều kiện cho con chung được lưu trú, học tập và sinh sống ổn định; căn cứ khoản 3, khoản 5 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 và khoản 6 Điều 7 của Thông tư liên tịch 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp, Hội đồng xét xử quyết định giao cho anh T quyền quản lý, sử dụng tài sản chung gồm 01 căn nhà cấp 4 hết niên hạn sử dụng và 01 cái giếng nước đường kính 1,2 mét, sâu 4,9 mét gắn liền với diện tích 290m² đất ONT+CLN, tọa lạc tại thôn 2, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 583862, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 14/3/2013 cho ông Trần Quang T và bà Mai Thân Diễm P. (theo mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh phát hành ngày 24/5/2021 thì đất tranh chấp đo đạc thực tế có diện tích 210,1m² đất, thửa đất số 36, tờ bản đồ số 94 (245401-4-C)). Trị giá tài sản anh T được chia là 411.660.000 đồng.

Anh T có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị P $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất tương đương số tiền 205.830.000đồng.

[3] Về chi phí tố tụng:

[3.1] Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Chị P và anh T phải chịu chi phí đo đạc, định giá sản tương ứng với tỷ lệ tài sản được chia tại mục [2.2] nêu trên; chị P đã nộp tạm ứng số tiền 2.707.000 đồng chi phí đo đạc, định giá tài sản; do đó cần buộc anh T hoàn trả lại cho chị P.

[3.2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn Mai Thân Diễm P phải chịu án phí đối với tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; chị P và anh T phải chịu án phí đối với tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 143, 144, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 105, 115, 213, 218 và 219 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 33, 35, 38, 59, 62, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ tư pháp;

Áp dụng khoản 1 Điều 26; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thân Diễm P về việc tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với anh Trần Quang T.

Giao cho anh Trần Quang T quyền, nghĩa vụ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Thị Diễm M, sinh ngày 04/11/2013 và Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 23/02/2016.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thân Diễm P về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn với anh Trần Quang T.

2.1. Giao cho anh Trần Quang T quyền quản lý, sử dụng tài sản gồm: diện tích 290m² đất ONT+CLN, tọa lạc tại thôn 2, xã SN, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, thuộc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 02, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 583862, do Ủy ban nhân dân huyện Đức Linh cấp ngày 14/3/2013 cho ông Trần Quang T và bà Mai Thân Diễm P đứng tên sử dụng (theo mảnh chính lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Đức Linh phát hành ngày 24/5/2021 thì đất tranh chấp đo đạc thực tế có diện tích 210,1m² đất, thửa đất số 36, tờ bản đồ số 94 (245401-4-C)) và 01 căn nhà cấp 4 hết niên hạn sử dụng; 01 cái giếng nước gắn liền với thửa đất nêu trên. Trị giá: 411.660.000 đồng.

2.2. Anh Trần Quang T có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Mai Thân Diễm P số tiền 205.830.000đồng.

2.3. Chị Mai Thân Diễm P được quyền sở hữu số tiền 205.830.000đồng do anh Trần Quang T thôi trả.

2.4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5. Anh Trần Quang T có trách nhiệm liên hệ cơ quan quản lý đất đai để thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật đất đai.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản:

- Buộc chị Mai Thân Diễm P phải nộp số tiền 1.353.500đồng chi phí đo đạc, định giá tài sản. Chị P đã nộp đủ số tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản.

- Buộc anh Trần Quang T phải nộp số tiền 1.353.500đồng chi phí đo đạc, định giá tài sản, để hoàn trả lại cho chị Mai Thân Diễm P.

3.2. Về án phí:

- Chị Mai Thân Diễm P phải nộp số tiền 10.591.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, trong đó: 300.000 đồng án phí tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và 10.291.000đồng án phí chia tài sản sau khi ly hôn, được trừ vào số tiền 1.550.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004056 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Chị Mai Thân Diễm P còn phải nộp số tiền 9.041.000đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Quang T phải nộp số tiền 10.291.000đồng án phí chia tài sản sau khi ly hôn.

Án phí nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2021), để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự P thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Linh;
- Chi cục THADS huyện Đức Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

MAI THUẬN